TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2023**/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Thanh Bình**

Ông **Nguyễn Quang Khải**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Cà Thị L**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

- Bị đơn: Anh **Lường Văn M**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang đi cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên – Địa chỉ: Thôn C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2023 và bản tự khai ngày 05/5/2023, nguyên đơn chị Cà Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lường Văn M chung sống như vợ chồng từ năm 2011 đến ngày 11/3/2013 mới đi đăng ký hôn nhân tại UBND xã M. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M nghiện chất ma túy. Chị L khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M vẫn không đi cai nghiện. Đến ngày 19/7/2022, anh M bị Tòa án nhân dân huyện Đ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian

là 18 tháng. Hiện anh Minh đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên – Địa chỉ: Thôn C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn M.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lường Việt C sinh ngày 10/12/2011. Chị L xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Tại bản tự khai đề ngày 29/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lường Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Cà Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 2011 đến ngày 11/3/2013 mới đi đăng ký hôn nhân tại UBND xã M. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M nghiện chất ma túy dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Đến ngày 19/7/2022, anh M bị Tòa án nhân dân huyện Đ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 18 tháng. Hiện anh M đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên – Địa chỉ: Thôn C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị L xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lường Việt C sinh ngày 10/12/2011. Cô L xin nuôi con nhưng anh M không nhất trí. Anh M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Anh M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án do đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên.

Tại bản tự khai của cháu Lường Việt C xin được ở với mẹ.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của trưởng bản N, xã M và UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 05/5/2023 có nội dung: Chị Cà Thị L và anh Lường Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến 11/3/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị chung sống và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M nghiện chất ma

túy. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ngày 19/7/2022, anh M bị Tòa án nhân dân huyện Đ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 18 tháng. Hiện anh M đang đi cai nghiện tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Điện Biên (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên) – Địa chỉ: Thôn C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị có 01 con chung là Lường Việt C sinh ngày 10/02/2011, hiện chị L đang là lao động tự do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/5/2023 chị L nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đối với anh Lường Văn M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện anh M đang đi cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên – Địa chỉ: Thôn C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị L có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đã nộp đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí. Sau khi xem xét đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 05/5/2023 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Cà Thị L và anh Lường Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị L và anh M đều có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS xét xử vắng mặt chị L và anh M.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Cà Thị L và anh Lường Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/3/2013, các bên đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M nghiện chất ma túy nên ngày 19/7/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 65/2022/QĐ-TA với thời hạn 18 tháng. Hiện anh M đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định cuộc

sống vợ chồng của chị L và anh M không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị L và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn anh M cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, anh M đang đi cai nghiện bắt buộc không thể về giải quyết được. Do đó, để giải phóng cho chị L thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho chị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh M.

[2.2] Xét về con chung: Chị L và anh M đều khai và công nhận vợ chồng có một con chung Lường Việt C sinh ngày 10/12/2011. Hiện cháu C đang ở với ông bà nội tại bản Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị L xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu C nhưng anh M không nhất trí, anh M cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện tại anh M đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên nên không có đủ điều kiện chăm sóc con chung, ngoài ra cháu C có bản tự khai xin được ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị L và cháu C. HĐXX giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh M có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét về quan hệ tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị L và anh M khai không có. HĐXX không xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Cà Thị L là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cà Thị L và anh Lường Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lường Việt C sinh ngày 10/12/2011 cho chị Cà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có;

4. Về án phí: Chị Cà Thị L được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã M,, HĐB, tỉnh ĐB;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA